

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày 30-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và ông Trần Duy Lộc.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:

Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 190/2020/TLST-HS ngày 25-11-2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/HSST-QĐ ngày 07-01-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/HSST-QĐ ngày 05-3-2021, đối với bị cáo:

Đỗ Văn Q, sinh năm 1952 tại tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Cán bộ đã nghỉ hưu; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn Đ (đã chết) và bà: Đông Thị X (đã chết); có vợ: Lê Thị N; có 02 con, lớn sinh năm 1979, nhỏ sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại. Có mặt.

-Người bào chữa cho bị cáo: Ông Thiều Hữu M, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai; địa chỉ: 46 L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-Bị hại: Vũ Trọng D, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 2, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

-Người làm chứng:

Ông Trần Phú Q, sinh năm 1969 và bà Đỗ Thị Minh H, sinh năm 1979; cùng nơi cư trú: Số 204/33 T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà H có mặt, ông Q vắng mặt.

Ông Huỳnh Đức Q, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 4, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/12/2019, ông Vũ Trọng D và một thanh niên đến nhà ông Trần Phú Q và bà Đỗ Thị Minh H tại số 204/33 T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai để đòi tiền nợ, nhưng vợ chồng anh Q không ở nhà. Lúc này, Đỗ Văn Q từ nhà mình sang nói với ông D: *“Có chuyện gì ra pháp luật giải quyết, đừng kéo đông người đến làm gì”*, thì ông D nói: *“Con ông nợ thì tôi đến đòi tiền”*, Đỗ Văn Q không nói gì quay trở lại nhà. Khoảng 30 phút sau, anh Q và chị H về nhà thì ông D đi vào phòng khách nhà Huệ nói chuyện thì hai bên to tiếng với nhau. Nghe ồn ào, Đỗ Văn Q lại đi đến và nói với ông D nói: *“Mày trước đây tao coi như con cái trong nhà giờ sao vậy?”*, ông D đứng lên chỉ tay về phía Q nói: *“Ông bao che cho con ông lừa đảo”*. Q hất tay ông D, ông D cũng hất tay Q thì Q mất đà lùi về sau 2-3 bước va đập vào bàn bida phía sau lưng, Q nắm lấy 01(một) dao dài 26,5cm; cán dao bằng nhựa màu đen dài 10,5cm; lưỡi dao bằng kim loại rộng 3,5cm, mũi nhọn về bên lưỡi sắc đang để trên bàn bida dơ dao lên khua về phía trước từ phải qua trái trúng một nhát vào bắp tay trái của ông D gây thương tích. Sau khi bị thương, ông D dùng tay phải ôm giữ vết thương rồi đi ra khỏi nhà chị H. Sau đó, ông D được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai, điều trị đến ngày 09/12/2019 thì xuất viện. Sau khi gây thương tích cho ông D, Q đến Công an phường Y, thành phố P đầu thú, giao nộp con dao đã sử dụng và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Ngày 16/02/2020, ông Vũ Trọng D làm đơn yêu cầu khởi tố đối với Đỗ Văn Q.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 27/20/TgT ngày 26/02/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai, kết luận về tổn thương cơ thể do thương tích gây nên trên cơ thể ông Vũ Trọng D tại thời điểm giám định:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: Một sẹo vết thương phần mềm 1/3 trên mặt sau cánh tay trái kích thước (3x0,3)cm, sẹo liền.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 2% (hai phần trăm). Áp dụng theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 56/20/VGTgT ngày 13/4/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai, kết luận Cơ chế hình thành vết thương trên cơ thể ông Vũ Trọng D:

“1. Cơ chế hình thành thương tích: Do sự tác động trực tiếp của ngoại lực gây nên thương tích mặt sau cánh tay trái.

2. Vật gây thương tích: Vật sắc cạnh bén có mũi nhọn.

Căn cứ thương tích, sọc vết thương phần mềm trên cơ thể của ông Vũ Trọng D và mẫu vật giám định là một con dao dài 26,5cm; Cán dao bằng nhựa màu đen dài 10,5cm; Lưỡi dao bằng kim loại rộng 3,5cm, mũi nhọn về bên lưỡi sắc do Cơ quan Cảnh sát điều tra cung cấp. Mẫu vật con dao giám định là hung khí phù hợp, là vật gây ra thương tích trên cơ thể ông Vũ Trọng D.”

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 56/20/VGTgT ngày 13/4/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai, kết luận về thương tích của Vũ Trọng D như sau: “*Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 2%(Hai phần trăm). Áp dụng theo Thông tư 22/2019/TT-BYT.*

Cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố Đỗ Văn Q về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo Điểm a Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng khai như sau:

-Bị cáo Đỗ Văn Q khai: Nguyên nhân xảy ra việc bị cáo gây thương tích cho Vũ Trọng D vào ngày 06/12/2019, là do ông D rủ nhiều thanh niên đến nhà con gái của bị cáo là Đỗ Thị Minh H, để đòi tiền và đã gây ra ồn ào. Do sợ ông D và những thanh niên đi cùng đánh đập vợ chồng chị Huệ nên bị cáo đã đến khuyên bảo, nhưng ông D không chấp nhận mà còn chửi bới, xô đẩy bị cáo, làm cho bị cáo bức xúc và không kìm chế được hành vi nên đã vớ lấy 01 con dao lưỡi dao đang để trên bàn bida, rồi dơ dao lên khua về phía trước từ phải qua trái trúng một nhát vào bắp tay trái của ông D, gây thương tích. Sau khi gây thương tích cho ông D, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ông D số tiền chi phí điều trị vết thương là: 1.000.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự P. Bị cáo chấp nhận bồi thường tiền công lao động cho bị hại và người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị tại Bệnh viện. Các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại khác thì bị cáo không chấp nhận.

-Người làm chứng là bà Đỗ Thị Minh H khai: Thống nhất với lời khai của mình đã khai tại Cơ quan Điều tra. Bà chứng kiến việc ông D cố tình gây bức xúc, mâu thuẫn với cha của Bà là bị cáo Q, để dẫn đến sự việc cha của Bà gây thương tích cho ông D. Nguyên nhân xảy ra sự việc nêu trên là do ông D vô cớ rủ nhiều thanh niên đến nhà Bà để đòi nợ tiền, nhưng thực tế thì Bà không có nợ tiền ông D.

-Người bào chữa trình bày lời bào chữa: Thừa nhận việc bị cáo Q đã thực hiện hành vi dùng dao gây thương tích cho ông Vũ Trọng D bị tổn thương cơ thể 2%, là do nguyên nhân ông D đã có hành vi trái pháp luật, xâm phạm trái phép chỗ ở của vợ chồng chị H; ông D đã chửi bới, xô đẩy làm cho bị cáo bức xúc và ở trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dẫn đến thực hiện hành vi gây thương tích cho ông D. Do đó, người bào chữa không thống nhất quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội Cố ý gây thương tích, mà hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh*”, theo Điều 135 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tỷ lệ

tổn thương cơ thể của ông Dũng chỉ 2% nên bị cáo Q không phạm tội ở Điều 135 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo chỉ có thể bị xử phạt hành chính là phù hợp. Do bị cáo không phạm tội nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Đối với vấn đề bồi thường thì đề nghị Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu đòi bồi thường của bị hại. Mặc dù bị cáo không phạm tội nhưng hậu quả thương tích của bị hại là do bị cáo gây ra nên bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại đối với những thiệt hại thực tế xảy ra, phù hợp với quy định của pháp luật.

-Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng, và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Đỗ Văn Q phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”; áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 134; Điều 36; các Điểm: i, s, v, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt Đỗ Văn Q: Từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; không khấu một phần thu nhập của bị cáo. Về dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại đối với chi phí điều trị vết thương, giá trị 03 ngày công lao động của bị hại và người chăm sóc, tiền bù đắp tổn thất tinh thần bằng 02 tháng lương tối thiểu; không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường các khoản còn lại. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

[3] Trình tự, thủ tục giám định và quy trình giám định, do Giám định viên của Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai thực hiện việc giám định pháp y về thương tích đối với ông Vũ Trọng D, là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai của bị cáo đã khai trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và nội dung Cáo trạng số: 02/CT-VKS, ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, nên đã đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 18 giờ ngày 06/12/2019, tại nhà bà Đỗ Thị Minh H ở số 204/33 đường T phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Đỗ Văn Q đã có hành vi dùng dao dài 26,5cm; cán dao bằng nhựa màu đen dài 10,5cm; lưỡi dao bằng kim loại rộng 3,5cm, mũi nhọn về bên lưỡi sắc, là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông Vũ Trọng D bị tổn hại sức khỏe 2%.

[5] Khi thực hiện hành vi gây thương tích cho ông Vũ Trọng D, bị cáo Đỗ Văn Q có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi một cách cố ý dùng dao là hung khí nguy hiểm, xâm phạm đến sức khỏe của ông Vũ Trọng D bị tổn thương cơ thể 2%, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên phải bị xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

[6] Lời bào chữa của người bào chữa tại phiên tòa hôm nay cho rằng bị cáo Q thực hiện hành vi trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, là không có căn cứ. Vì: Bị cáo đã chủ động đến nhà con gái mình là Đỗ Thị Minh H, nhằm mục đích đề khuyên bảo, can ngăn không cho ông D làm ồn ào nhưng không được nên bị hại có lời nói xúc phạm bị cáo dẫn đến hai bên xảy ra xô đẩy, gạt tay nhau rồi bị cáo dùng dao gây thương tích cho bị hại. Bị hại và một số thanh niên đi cùng chưa có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng nào để kích động mạnh đến tinh thần của bị cáo. Mâu thuẫn xảy ra từ việc bị hại đến đòi nợ tiền đối với con gái của bị cáo, hành vi của bị hại không làm cho bị cáo không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, quan điểm của người bào chữa cho rằng bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, là không có căn cứ và không được Tòa án chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ tuyên bố Đỗ Văn Q phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, theo Điểm a Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[7] Bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng có nhân thân tốt, là Thương binh hạng A, đã có nhiều thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác, được Hội đồng Bộ trưởng tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì, được Bộ Y tế tặng Bằng khen, được Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai tặng Bằng khen; trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã ra đầu thú tạo điều kiện thuận lợi cho việc sớm kết thúc điều tra và xử lý tội phạm. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các Điểm: i, s, v, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên việc áp dụng hình phạt khác không có tác dụng giáo dục cao đối với cá nhân người phạm tội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ ở mức khởi điểm khung hình phạt theo Điều 36 của Bộ luật hình sự là phù hợp với tính chất của vụ án và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, vừa bảo đảm được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo là cán bộ hưu trí, hiện nay đã 69 tuổi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nên không khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo, không buộc bị cáo thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng.

[8] Trách nhiệm bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị hại Vũ Trọng D yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường số tiền 59.000.000 đồng. Giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 60.000.000 đồng. Nhưng theo như tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai, tổng chi phí điều trị vết thương đối với bị hại trong thời gian 03 ngày là: 1.004.058 đồng. Bảng kê các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị hại cung cấp trong giai đoạn điều tra thể hiện: Tiền chi phí điều trị thương tích là 5.000.000 đồng, hóa đơn đã thất lạc; tiền công lao động 04 ngày là 2.000.000 đồng; tiền công người chăm sóc 04 ngày là 2.000.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần 20.000.000 đồng; tiền thẩm mỹ vết thương là 5.000.000 đồng; tiền chi phí tàu xe đi lại 05 lần từ Hai Dương vào Gia Lai và ngược lại là 25.000.000 đồng. Tổng cộng là 59.000.000 đồng.

Ngoài bảng kê chi phí điều trị tại Bệnh viện với số tiền 1.004.058 đồng do Cơ quan điều tra thu thập được, thì bị hại là ông Vũ Trọng D không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho thiệt hại đó.

Hồ sơ bệnh án thể hiện ông D vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai điều trị từ tối ngày 06 đến ngày 09/12/2019, là 03 ngày, ông D đã bị thiệt hại về thu nhập thực tế bị mất là tiền công lao động của bị hại và người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị. Một phần yêu cầu này của ông D là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận theo giá trị ngày công lao động của ông D là lái xe tại Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải Gia Lai, là: 600.000 đồng/ngày x 3 ngày = 1.800.000 đồng; giá trị ngày công lao động của người chăm sóc tại bệnh viện là: 300.000 đồng/ngày x 3 ngày = 900.000 đồng. Tổng số tiền bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại được Tòa án chấp nhận là: 3.705.000 đồng (quy tròn).

Các phần yêu cầu bồi thường khác không được Tòa án chấp, vì bị hại không chứng minh được thiệt hại đó và yêu cầu không có căn cứ để được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, được trừ vào tổng số tiền bồi thường mà bị cáo có nghĩa vụ bồi thường.

[9] Xử lý vật chứng: 01(một) dao dài 26,5cm; cán dao bằng nhựa màu đen dài 10,5cm; lưỡi dao bằng kim loại rộng 3,5cm, mũi nhọn về bên lưỡi sắc là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[10] Án phí: Buộc bị cáo Đỗ Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Trong Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D đề nghị Tòa án xem xét số tiền bà Đỗ Thị Minh H còn nợ ông D. Qua xem xét thấy rằng yêu cầu của ông D không liên quan đến vụ án này. Trường hợp, ông D và bà H có tranh chấp số tiền được nêu trong đơn, thì ông D có quyền làm đơn khởi kiện thành một vụ án dân sự khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Q phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Về hình phạt:

-Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 134; các Điểm: i, s, v, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đỗ Văn Quỳnh cho Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Yên Đỗ, thành phố P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

-Áp dụng các Điều: 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Đỗ Văn Q phải bồi thường số tiền 3.705.000 (bằng chữ: Ba triệu bảy trăm không năm nghìn) đồng cho bị hại Vũ Trọng D. Được trừ vào số tiền 1.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Bị cáo còn phải nộp số tiền bồi thường là: 2.705.000 (bằng chữ: Hai triệu bảy trăm không năm nghìn) đồng.

Nghĩa vụ chịu lãi do chậm thanh toán: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Xử lý vật chứng:

-Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy 01(một) dao dài 26,5cm; cán dao bằng nhựa màu đen dài 10,5cm; lưỡi dao bằng kim loại rộng 3,5cm, mũi nhọn về bên lưỡi sắc.

Vật chứng thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/12/2020 giữa Công an thành phố P với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

5. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm:

-Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đỗ Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

-Căn cứ vào các Điều: 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Báo cho: Bị cáo Đỗ Văn Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 30-3-2021. Bị hại Vũ Trọng D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP. P;
- Công an thành phố P;
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Bị cáo Đỗ Văn Q;
- Bị hại Vũ Trọng D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thường